

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC T
TỈNH HÒA B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DSST-HNGĐ.

Ngày: 04/6/2021

“V/v Kiện xin Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC T – TỈNH HÒA B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hải Dương.

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà: Nguyễn Thị Khánh.

Bà: Nguyễn Thị Thanh Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà: Bùi Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:*
Bà: Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 06 năm 2021, tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 “về tranh chấp Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 05 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021 ngày 28 tháng 05 năm 2021; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị: **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1976 (có mặt).

2. Bị đơn: anh **Kiều Hà G** - sinh năm 1968 (vắng mặt không có lý do).

Cùng trú tại: thôn Quyết T, xã Thanh N (nay là thị trấn Ba Hàng Đ), huyện Lạc T, tỉnh Hòa B.

*** NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Năm 1995 chị Nguyễn Thị T và anh Kiêu Hà G kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh N (Nay là thị trấn Ba Hàng Đ) huyện Lạc T, tỉnh Hoà B. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng nhà với anh G tại thôn Quyết T, thị trấn Ba Hàng Đ, huyện Lạc T, tỉnh Hòa B.

Trong quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống thường nhật vợ chồng không có lòng tin với nhau,

trước đó anh G hay ghen bóng gió từ đó gây áp lực cho chị, khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt và đỉnh điểm của mâu thuẫn gia đình là vào tháng 2/2020, do nghe lời của bạn bè và người thân trong gia đình anh G đã kiểm soát, đuổi chị T ra khỏi nhà, giận chồng nên chị T đã bỏ đi làm ăn nơi xa và sống ly thân với anh G từ đó cho tới nay, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

- **Về con chung:** Có 02 con là Kiều Thị H, sinh ngày 29/10/1995 và Kiều Hồng S, sinh ngày 07/01/1998. Hai con của anh chị hiện đã trưởng thành và cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Không có.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiều Hà G.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Kiều Hà G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; trong biên bản lấy lời khai và tại các buổi hoà giải anh G trình bày: Tháng 01/1995 anh G kết hôn với chị Nguyễn Thị T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh N (nay là TT Ba Hàng Đ) huyện Lạc T, tỉnh Hòa B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, cho đến tháng 10/2020 thì chị T bỏ đi, ban đầu chị T nói là đi làm ăn, sau đó chị T quay về làm đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh G là không đồng ý ly hôn, lý do vì vợ chồng đều đã lớn tuổi.

Về con chung: anh Kiều Hà G khai nhận giữa anh và chị T có 02 con chung là Kiều Thị H, sinh ngày 29/10/1995 và Kiều Hồng S, sinh ngày 07/01/1998. Hai con hiện đã trưởng thành và cuộc sống tự lập.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án xem xét.

- **Về công nợ chung:** Không có công nợ chung.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ về cuộc sống của chị Tuyết và anh G tại địa phương nơi các đương sự sinh sống cho thấy: cuộc sống của anh G, chị T thời gian đầu chung sống ổn định. Cách đây hơn 1 năm thấy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên hay xảy ra việc cãi chửi, đánh nhau làm ảnh hưởng đến trật tự thôn xóm và cũng đã được thôn giã xếp, hoà giải nhưng không được. Thời gian khoảng một năm nay chị T đi làm ăn ở đâu cũng không được rõ và không thấy về sống cùng anh G nữa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án đến để tham gia phiên tòa vi phạm quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS.

- *Về việc giải quyết vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Do cuộc sống chung giữa chị T, anh G không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh G đã sống ly thân hơn một năm nay. Có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Đề nghị HĐXX áp

dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Tuyết được ly hôn với anh G.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Kiều Hà G có 02 con chung, hiện hai con đã trưởng thành nên chị T, anh G không yêu cầu pháp luật giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Kiều Hà G tự thỏa thuận, chưa yêu cầu pháp luật giải quyết nên không đề cập.

+ Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Kiều Hà G không có công nợ chung nên không đề cập.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Kiều Hà G. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. chị Nguyễn Thị T, anh Kiều Hà G cùng có hộ khẩu và cư trú tại thị trấn Ba Hàng Đ, huyện Lạc T, tỉnh Hòa B nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc T, tỉnh Hoà B

[2] Tại phiên toà anh Hà Kiều G đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T tham gia tố tụng đảm bảo quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị T, bị đơn anh Kiều Hà G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, là hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Xét về đời sống hôn nhân giữa chị T và anh G, thấy rằng: Quá trình chung sống giữa chị T và anh G tuy đã có thời gian dài chung sống nhưng không có hạnh phúc, giữa hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính do thiếu niềm tin tưởng, tính vị tha, vì vậy không có sự hòa hợp, thường xuyên cãi nhau; bạo lực gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị T thấy rằng không thể tiếp tục chung sống cùng anh G được nữa nên đã khởi kiện ra toà xin ly hôn.

Bị đơn anh Kiều Hà G tuy có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng bản thân lại không thể hiện thành ý, ngược lại còn gây khó khăn với chị Tuyết, vì vậy đã đẩy hạnh phúc gia đình đi vào ngõ cụt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

Nhận thấy đời sống hôn nhân của chị T và anh G lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

[3.2] Về con chung: Các cháu đã trưởng thành và có khả năng tự lập, các đương sự không yêu cầu vì vậy Toà án không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị T và anh G chưa yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không đề cập.

[3.4] Về công nợ chung: Chị T và anh G không có công nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Kiều Hà G.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0004530 ngày 13/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa B;
- VKSND huyện Lạc T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Ba Hàng Đ;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Hải Dương

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Khánh Nguyễn Thị Thanh Tâm Vũ Hải Dương

